

Số: 1030/2024/CV-ADG  
V/v giải trình kết quả kinh doanh tại  
BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2024

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính ("BCTC") riêng và hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty xin giải trình nguyên nhân dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo có sự thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

**1. BCTC riêng Quý 3/2024:**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 3/2024	Quý 3/2023	Tỷ lệ thay đổi
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.825.540.367	66.793.387.592	24,0%
Giá vốn hàng bán	81,192,166,184	64,133,431,494	26,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.817.613.237	5.093.350.823	-64,3%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-5.701.620.213	-3.850.578.870	-48,1%

Trong Quý 3/2024, doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty vẫn tương đối khả quan khi tăng 24% so với kỳ trước. Tuy nhiên do giá vốn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu nên lợi nhuận gộp thu về giữ ở mức thấp.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng từ thị trường như suy giảm về lãi suất ngân hàng, các khoản lãi trái phiếu nên so với Quý 3/2023 doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty trong kỳ báo cáo giảm mạnh 64,3%.

Những yếu tố trên đã trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty, làm giảm lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước.

**2. BCTC hợp nhất Quý 3/2024**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Quý 3/2024	Quý 3/2023	Tỷ lệ thay đổi
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.353.091.804	86.822.222.223	24,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.024.170.045	3.140.653.889	-35,5%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-3.372.041.504	-6.357.931.964	47,0%

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong Quý 3/2024 tăng trưởng 24,8% so với Quý 3/2023.

Một số công ty con thu về lợi nhuận tốt như Công ty cổ phần Review thông minh và Công ty CleverAds Philippines, trong đó tiêu biểu như Công ty cổ phần Review thông minh có lợi nhuận sau thuế tăng 2,6 lần so với cùng kỳ năm trước.

Do đó, mặc dù trong tình hình chung các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính giảm, nhưng lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo của toàn Công ty vẫn tăng 47% so với Quý 3/2023.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý 3/2024 so với Quý 3/2023 của Công ty cổ phần Clever Group. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Nguyễn Khánh Trình*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**  
Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 03 tháng từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Trần Đông Âu	Thành viên
Ông Lee SangSeok	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quốc Phương	Thành viên độc lập
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập

#### **Ban Giám đốc**

Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**  
Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

---

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



---

**Nguyễn Khánh Trình**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MS	THUYẾT MINH	30/09/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>198.019.799.967</b>	<b>213.870.583.027</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>12.777.033.768</b>	<b>13.113.623.113</b>
1. Tiền	111		12.777.033.768	13.113.623.113
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5	<b>126.692.832.578</b>	<b>137.790.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		126.692.832.578	137.790.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.696.458.904</b>	<b>61.182.182.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	31.333.746.098	51.244.145.381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	661.996.444	1.033.080.804
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.3	2.500.000.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	5.479.300.077	7.262.585.745
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó	137	8	(278.583.715)	(357.629.671)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	9.1	<b>18.724.142.235</b>	<b>1.741.593.022</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.724.142.235	1.741.593.022
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>129.332.482</b>	<b>43.184.633</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.6	28.832.482	43.184.633
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	100.500.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>190.642.237.301</b>	<b>176.514.366.627</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>5.010.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	-	5.010.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.086.698.775</b>	<b>8.117.557.050</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9.2	6.211.988.268	4.832.173.609
- Nguyên giá	222		16.613.647.182	14.149.791.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.401.658.914)	(9.317.617.572)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9.3	2.874.710.507	3.285.383.441
- Nguyên giá	228		4.380.511.265	4.380.511.265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.505.800.758)	(1.095.127.824)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	9.4	<b>55.252.143.794</b>	<b>43.883.603.675</b>
- Nguyên giá	231		55.252.143.794	43.883.603.675
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	9.5	<b>-</b>	<b>40.216.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	40.216.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5	<b>125.793.845.178</b>	<b>119.274.683.889</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		77.676.039.000	49.676.039.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.219.693.080	4.219.693.080
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(16.226.995.902)	(14.121.089.769)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		57.125.109.000	79.500.041.578
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>509.549.554</b>	<b>188.306.013</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.6	509.549.554	188.306.013
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>388.662.037.268</b>	<b>390.384.949.655</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

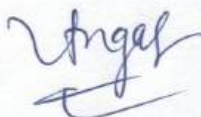
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2024	01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>83.295.144.871</b>	<b>83.898.742.329</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>83.295.144.871</b>	<b>83.898.742.329</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	18.897.516.285	21.615.499.320
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	10	11.665.429.049	6.278.312.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.074.110.692	9.698.304.573
4. Phải trả người lao động	314		1.605.015.774	1.678.435.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	28.047.265	868.171.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	829.517.361	838.093.857
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	47.195.508.445	42.921.925.017
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>305.366.892.397</b>	<b>306.486.207.326</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>305.366.892.397</b>	<b>306.486.207.326</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		213.805.210.000	213.805.210.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.940.000	34.940.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.526.742.397	92.646.057.326
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92.646.057.326	74.097.886.311
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.119.314.929)	18.548.171.015
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>388.662.037.268</b>	<b>390.384.949.655</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga



Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Khánh Trình



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động 03 tháng từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM			Đơn vị: VND	
			Quý III năm 2024	Quý III năm 2023	Kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	82.825.540.367	66.793.387.592	244.518.611.330	210.654.845.530
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>82.825.540.367</b>	<b>66.793.387.592</b>	<b>244.518.611.330</b>	<b>210.654.845.530</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	21	81.192.166.184	64.133.431.494	226.538.293.449	191.071.585.529
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.633.374.183</b>	<b>2.659.956.098</b>	<b>17.980.317.881</b>	<b>19.583.260.001</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.817.613.237	5.093.350.823	9.261.934.672	12.022.071.581
7. Chi phí tài chính	22	23	415.299.463	2.273.093.614	3.350.941.489	3.625.179.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		415.299.463	2.230.865.398	998.631.125	3.296.274.945
9. Chi phí bán hàng	25	24	4.469.428.882	5.278.180.030	13.718.688.353	13.413.348.840
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.714.278.926	4.154.438.394	10.059.743.041	12.504.010.387
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(5.148.019.851)</b>	<b>(3.952.405.117)</b>	<b>112.879.670</b>	<b>2.062.793.007</b>
12. Thu nhập khác	31	25	2.328.133	253.223.231	46.882.967	287.955.238
13. Chi phí khác	32	25	555.928.495	151.396.984	1.279.077.566	716.587.853
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(553.600.362)</b>	<b>101.826.247</b>	<b>(1.232.194.599)</b>	<b>(428.632.615)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(5.701.620.213)</b>	<b>(3.850.578.870)</b>	<b>(1.119.314.929)</b>	<b>1.634.160.392</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-	-	1.200.418.490
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(5.701.620.213)</b>	<b>(3.850.578.870)</b>	<b>(1.119.314.929)</b>	<b>433.741.902</b>

*Nguyễn Thị Nga*

**NGUYỄN THỊ NGA**  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



**NGUYỄN KHÁNH TRINH**  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.119.314.929)	1.634.160.392
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.494.714.276	1.465.586.582
- Các khoản dự phòng	03	2.026.860.177	(64.952.199)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(188.504.453)	42.358.016
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.845.555.480)	(11.970.760.947)
- Chi phí lãi vay	06	998.631.125	3.296.274.945
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.633.169.284)	(5.597.333.211)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.629.977.271	72.565.110.241
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16.982.549.213)	(6.000.946.581)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.340.473.003)	(21.720.823.332)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(306.891.390)	(363.453.355)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(970.583.860)	(2.917.047.741)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.394.928.236)	(6.150.922.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.998.617.715)	29.814.583.674
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(23.787.928.824)	(18.313.879.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.050.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(202.285.000.000)	(233.558.571.492)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	240.267.100.000	151.553.685.198
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(31.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.125.596.225	10.805.422.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.369.767.401	(89.513.343.154)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	180.817.424.894	181.541.540.632
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.543.841.466)	(127.529.339.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.273.583.428	54.012.200.857
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(355.266.886)	(5.686.558.623)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.113.623.113	17.152.870.544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	18.677.541	70.479.802
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.777.033.768	11.536.791.722

NGUYỄN THỊ NGÀ  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu.

Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 lần thứ 20 ngày 16 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Hose (Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh) với mã chứng khoán ADG từ ngày 22 tháng 02 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 là 158 người (ngày 30 tháng 09 năm 2023: 198 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 03 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>		<b>(%)</b>	<b>(%)</b>	
1 Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2 Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3 Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4 Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
5 Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6 Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech (i)	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7 Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX (i)	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu
8 Công ty Cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
9 Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục Lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10 Công ty cổ phần AGlobal	Việt Nam	85	85	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung cấp các giải pháp bán hàng trên các kênh thương mại điện tử B2B xuyên quốc gia
11 CleverAds Philippines Corporation	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
12 Công ty cổ phần Địa ốc thông minh	Việt Nam	65,041	65,041	Kinh doanh bất động sản
<b>Công ty liên kết</b>				
1 Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2 Công ty TNHH ADOP Vietnam (i)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3 Công ty TNHH Vkids Việt Nam	Việt Nam	39	39	Xuất bản phần mềm
4 Công ty cổ phần Công nghệ Lazi	Việt Nam	49	49	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

(i) Công ty cổ phần công nghệ quảng cáo ADTECH, Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X và Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo đầu kỳ 01/01/2024. Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh là báo cáo cùng kỳ năm trước (kỳ hoạt động 03 tháng từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ báo cáo tài chính

Kỳ báo cáo tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

### Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số kỳ báo cáo

Phương tiện vận tải  
Thiết bị dụng cụ quản lý

06 – 08

03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ báo cáo thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ báo cáo theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ báo cáo đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ báo cáo khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 03 tháng.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ báo cáo. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ báo cáo khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ báo cáo tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 4. TIỀN

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	7.301.887.435	1.704.798.735
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.475.146.333	11.408.824.378
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.777.033.768</b>	<b>13.113.623.113</b>



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>126.692.832.578</b>	<b>126.692.832.578</b>	<b>137.790.000.000</b>	<b>137.790.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	111.500.000.000	111.500.000.000	137.790.000.000	137.790.000.000
- Trái phiếu	15.192.832.578	15.192.832.578	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>57.125.109.000</b>	<b>57.125.109.000</b>	<b>79.500.041.578</b>	<b>79.500.041.578</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu (i)	57.125.109.000	57.125.109.000	79.500.041.578	79.500.041.578
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	<i>2.387.808.000</i>	<i>2.387.808.000</i>	<i>24.512.740.578</i>	<i>24.512.740.578</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư năng lượng Nam Phương</i>	<i>4.737.301.000</i>	<i>4.737.301.000</i>	<i>4.987.301.000</i>	<i>4.987.301.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>183.817.941.578</b>	<b>183.817.941.578</b>	<b>217.290.041.578</b>	<b>217.290.041.578</b>

- (i) : Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng được phân loại vào ngắn hạn và các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được phân loại vào dài hạn với lãi suất đầu tư từ 8% - 11,123%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ báo cáo:

<b>Công ty con/Công ty liên kết</b>	<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>
<b>Các công ty con</b>	
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi
4. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
5. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp
6. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp
7. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh có lãi
8. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lãi
9. Công ty cổ phần AGLOBAL	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
10. Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Hoạt động kinh doanh có lãi
11. Công ty CP Địa ốc thông minh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
12. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
<b>Các công ty liên kết</b>	
13. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
14. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Đang trong quá trình giải thể doanh nghiệp

	Tỷ lệ		30/09/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	GTHL (i)	Dự phòng	Giá gốc	GTHL	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>77.676.039.000</b>		<b>(15.791.756.205)</b>	<b>49.676.039.000</b>		<b>(13.685.850.072)</b>
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3.351.315.000		(3.351.315.000)	3.351.315.000		(3.351.315.000)
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	12.950.000.000		-	12.950.000.000		-
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8.316.000.000		(7.389.846.788)	8.316.000.000		(7.389.846.788)
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740.564.000		-	740.564.000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600.000.000		(600.000.000)	600.000.000		-
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2.250.000.000		(2.250.000.000)	2.250.000.000		(744.093.867)
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	95%	95%	11.000.000.000		(490.758.368)	11.000.000.000		(490.758.368)
- Công ty cổ phần CMETRIC	88,33%	88,33%	7.125.000.000		(1.709.836.049)	7.125.000.000		(1.709.836.049)
- Công ty cổ phần AGLOBAL	85%	85%	425.000.000		-	425.000.000		-
- Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	55%	55%	2.918.160.000		-	2.918.160.000		-
- Công ty CP Địa ốc thông minh	65,041%	65,041%	28.000.000.000		-	-		-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>4.219.693.080</b>		<b>(435.239.697)</b>	<b>4.219.693.080</b>		<b>(435.239.697)</b>
- Công ty CP Mạng Quảng cáo Thông minh	40%	40%	1.756.000.000		(286.104.415)	1.756.000.000		(286.104.415)
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	40%	2.463.693.080		(149.135.282)	2.463.693.080		(149.135.282)
<b>Đầu tư vào công ty khác</b>			<b>3.000.000.000</b>		<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
- Công ty CP ADELA Building	12%	12%	3.000.000.000		-	-		-
<b>Tổng</b>			<b>84.895.732.080</b>		<b>(16.226.995.902)</b>	<b>53.895.732.080</b>		<b>(14.121.089.769)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

### 6.1 Phải thu ngắn hạn của Khách hàng

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
CleverAds Philippines Corporation	2.840.814.626	2.840.814.626
Công ty TNHH TIKI	-	3.637.513.934
Tổng công ty hàng không Việt Nam	163.900.800	7.986.987.180
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT QUỐC TẾ SÀI GÒN	-	864.000.000
TRƯỜNG CAO ĐẲNG DƯỢC HÀ NỘI	657.653.600	707.653.600
Công ty TNHH PP THACO AUTO	-	708.300.000
Công ty TNHH Nha khoa KIM	-	1.879.818.221
Công ty PT CleverAds	6.593.514.281	6.560.523.711
Công ty cổ phần NOVAREAL	4.231.869.649	4.231.869.649
Công ty TNHH Giải trí Viễn Đông	-	1.323.021.166
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ QUỐC TẾ	1.123.200.000	1.320.000.000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VAM	971.272.473	1.061.291.218
Công ty TNHH AEONMALL LONG BIÊN	-	932.201.838
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	734.271.523
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM	976.508.000	232.000.000
CN CÔNG TY TNHH LG ELECTRONICS VIỆT NAM HẢI PHÒNG TẠI HÀ NỘI	1.819.151.192	-
CÔNG TY CỔ PHẦN PICO RETAIL	1.257.209.707	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo chí ngời Bút Vàng	746.681.857	-
Công ty cổ phần Review Thông Minh	554.400.705	-
Các khách hàng khác	9.397.569.208	16.223.878.715
<b>Tổng</b>	<b>31.333.746.098</b>	<b>51.244.145.381</b>

### 6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG 88 VIỆT NAM	-	600.000.000
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG MỘC XANH	253.671.264	197.299.872
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC TÒA NHÀ VNPT	36.459.904	72.000.000
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THIÊN HÀ	-	52.326.000
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG SỐ LIONISE MEDIA	80.287.200	-
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG GIA CÁT GROUP	100.000.000	-
CÔNG TY CỔ PHẦN MARUP	92.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	99.178.076	111.454.932
<b>Tổng</b>	<b>661.996.444</b>	<b>1.033.080.804</b>

### 6.3 Phải thu về cho vay

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (i)	-	1.500.000.000
Ông Tạ Văn Tiến	2.000.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

i): Khoản cho vay được đảm bảo bằng các bất động sản, khoản vay có thời hạn từ 12 - 18 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 5% đến 10%/năm.

### 7. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.479.300.077</b>	<b>7.262.585.745</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	2.303.256.754	2.938.675.875
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	876.564.041	3.210.511.972
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	220.109.589	220.453.698
- Phải thu khác	2.079.369.693	892.944.200
+ <i>Phải thu thuế GTGT nhà thầu</i>	777.675.693	891.058.200
+ <i>Phải thu Công ty CP Đại ốc TM</i>	1.300.000.000	-
+ <i>Phải thu khác</i>	1.694.000	1.886.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>5.010.000.000</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	5.010.000.000
- Phải thu dài hạn khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.479.300.077</b>	<b>12.272.585.745</b>

Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/09/2024 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại và các khoản đặt cọc thuê văn phòng, bảo đảm thực hiện hợp đồng; Chi tiết như sau:

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 670.904.204 đồng.
- Các khoản bảo lãnh đảm bảo hợp đồng với số tiền là 632.352.550 đồng.

**8. NỢ XẤU**

	30/09/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41.454.545	-	41.454.545	-
Công ty TNHH GOGALA	37.433.932	-	49.745.079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53.745.958	-	53.745.958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	-	-	66.734.809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145.949.280	-	145.949.280	-
<b>Tổng</b>	<b>278.583.715</b>		<b>357.629.671</b>	

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng

**9. TĂNG, GIẢM HÀNG TỒN KHO, TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

**9.1 Tăng, giảm Hàng tồn kho**

	30/09/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	18.724.142.235	-	1.741.593.022	-
<b>Cộng</b>	<b>18.724.142.235</b>		<b>1.741.593.022</b>	

**9.2 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc và thiết bị	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	13.813.197.727	336.593.455	-	14.149.791.182
Mua trong kỳ	2.463.856.000	-	-	2.463.856.000
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2024</b>	<b>16.277.053.727</b>	<b>336.593.455</b>	<b>-</b>	<b>16.613.647.182</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	8.981.024.117	336.593.455	-	9.317.617.572
Khấu hao trong kỳ	1.084.041.342	-	-	1.084.041.342
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2024</b>	<b>10.065.065.459</b>	<b>336.593.455</b>	<b>-</b>	<b>10.401.658.914</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	4.832.173.610	-	-	4.832.173.610
<b>Tại ngày 30/09/2024</b>	<b>6.211.988.268</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.211.988.268</b>

9.3 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	4.380.511.265	-	-	4.380.511.265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	<b>4.380.511.265</b>	-	-	<b>4.380.511.265</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2024	1.095.037.824	-	-	1.095.037.824
Khấu hao trong kỳ	410.672.934	-	-	410.672.934
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2024	<b>1.505.800.758</b>	-	-	<b>1.505.800.758</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	3.285.383.441	-	-	3.285.383.441
Tại ngày 30/09/2024	<b>2.874.710.507</b>	-	-	<b>2.874.710.507</b>

9.4 Tăng giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794
<b>TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794
Nhà và quyền sử dụng đất	43.883.603.675	21.364.288.824	(9.995.748.705)	55.252.143.794

9.5. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Đầu tư mua sắm tài sản cố định</b>	-	40.216.000
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	40.216.000
<b>Tổng</b>	-	<b>40.216.000</b>

**9.6 Chi phí trả trước**

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>28.832.482</b>	<b>43.184.633</b>
- Chi phí thuê văn phòng	12.500.000	40.454.333
- Phí sử dụng đường bộ	-	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	2.730.300
- Chi phí trả trước khác	16.332.482	-
<b>Dài hạn</b>	<b>509.549.554</b>	<b>188.306.013</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	320.022.814	188.306.013
- Chi phí trả trước dài hạn khác	189.526.740	-
<b>Cộng</b>	<b>538.382.036</b>	<b>231.490.646</b>

**10. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	388.476.000	388.476.000	977.076.000	977.076.000
Công ty CP Tập đoàn MEEY LAND	109.692.360	109.692.360	120.231.738	120.231.738
Công ty CP Truyền thông và giải trí HG Media	76.323.670	76.323.670	127.431.547	127.431.547
Công ty CP TM và SX nội thất THEONE	1.528.740.000	1.528.740.000	43.200.000	43.200.000
N&VBridge Co., Ltd			326.960.000	326.960.000
CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT	206.424.875	206.424.875	262.287.999	262.287.999
CÔNG TY CP BỆNH VIỆN MẮT ÁNH SÁNG	319.907.851	319.907.851	388.800.000	388.800.000
Viện đào tạo quốc tế - Trường Đại học Thương mại	-	-	184.140.000	184.140.000
Công ty TNHH TCIE Việt Nam			204.822.000	204.822.000
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN HỒNG NGỌC	944.460.000	944.460.000	-	-
CÔNG TY TNHH READINGGATE VIETNAM	473.698.800	473.698.800	-	-
CÔNG TY TNHH TOPBOP	118.800.000	118.800.000	-	-
KINGYO FILMS PTE. LTD.	202.532.469	202.532.469	-	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & XNK LAM SƠN	204.270.000	204.270.000	99.000.000	99.000.000
CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN DIGIMOVE	642.262.227	642.262.227	25.887.031	25.887.031
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ CHĂM SÓC Y TẾ ĐẠI GIA ĐÌNH PHƯƠNG ĐÔNG	199.999.999	199.999.999	-	-
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN ĐKTN AN SINH - PHÚC TRƯỜNG MINH	572.400.000	572.400.000	-	-
CÔNG TY TNHH AICE YUMMY VIỆT NAM	329.532.840	329.532.840	-	-
GOODWE TECHNOLOGIES CO., LTD	352.759.860	352.759.860	-	-
Các khách hàng khác	4.995.148.098	4.995.148.098	3.518.475.824	3.518.475.824
<b>Tổng</b>	<b>11.665.429.049</b>	<b>11.665.429.049</b>	<b>6.278.312.139</b>	<b>6.278.312.139</b>



11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương mại TIKI	-	-	46.991.730	46.991.730
Meta Platforms Ireland Limited	13.212.156.988	13.212.156.988	14.350.590.907	14.350.590.907
Google Ireland Ltd	2.149.385.965	2.149.385.965	5.536.731.325	5.536.731.325
TIKTOK PTE. LTD.	1.513.117.886	1.513.117.886	-	-
REVVU CORPORATION INC	64.482.036	64.482.036	91.307.845	91.307.845
MAI LE QUYEN	410.897.371	410.897.371	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN MARUP	-	-	473.440.000	473.440.000
CÔNG TY TNHH TR PRODUCTIONS	46.980.000	46.980.000	134.784.000	134.784.000
Công ty TNHH TM và Truyền thông Biển Đông	-	-	35.478.000	35.478.000
Công ty cổ phần Forza	-	-	427.377.864	427.377.864
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN TM VÀ DỊCH VỤ CAO MINH	266.500.000	266.500.000	123.000.000	123.000.000
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ AK	442.704.752	442.704.752	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG HUMBLE	225.396.000	225.396.000	2.160.000	2.160.000
CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG THƯỢNG ÂM	172.795.680	172.795.680	-	-
CÔNG TY TNHH RICH MEDIA	35.576.400	35.576.400	89.868.420	89.868.420
Các nhà cung cấp khác	357.523.206	357.523.206	303.769.229	303.769.229
<b>Tổng</b>	<b>18.897.516.285</b>	<b>18.897.516.285</b>	<b>21.615.499.320</b>	<b>21.615.499.320</b>

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	30/09/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.927.277.790	11.043.369.085	(13.662.456.090)	1.308.190.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.294.428.236	-	(3.294.428.236)	-
Thuế thu nhập cá nhân	739.035.056	697.015.765	(1.186.598.516)	249.452.305
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.737.563.491	4.089.708.622	(4.310.804.511)	1.516.467.602
<b>Tổng</b>	<b>9.698.304.573</b>	<b>15.830.093.472</b>	<b>(22.454.287.353)</b>	<b>3.074.110.692</b>

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.500.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
<b>Tổng</b>	<b>100.500.000</b>	<b>-</b>

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	28.047.265	26.944.300
Chi phí phải trả khác	-	841.227.642
<b>Tổng</b>	<b>28.047.265</b>	<b>868.171.942</b>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	197.004.626	197.004.626	335.546.126	335.546.126
Bảo hiểm xã hội	53.550.000	53.550.000	-	-
Bảo hiểm y tế	9.450.000	9.450.000	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.434.000	4.434.000	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.693.235	239.693.235	74.693.235	74.693.235
Các khoản phải trả khác	325.385.500	325.385.500	427.854.496	427.854.496
<b>Tổng</b>	<b>829.517.361</b>	<b>829.517.361</b>	<b>838.093.857</b>	<b>838.093.857</b>

15. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2024 (VND)		Trong kỳ		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	45.243.887.576	45.243.887.576	120.819.798.692	(117.158.138.161)	41.582.227.045	41.582.227.045
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hoàn Kiếm (i)	45.243.887.576	45.243.887.576	120.819.798.692	(117.158.138.161)	41.582.227.045	41.582.227.045
Dư nợ tín dụng	1.951.620.869	1.951.620.869	59.997.626.202	(59.385.703.305)	1.339.697.972	1.339.697.972
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Hoàn Kiếm (ii)	1.103.712.130	1.103.712.130	49.928.535.969	(49.249.320.505)	424.496.666	424.496.666
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iv)	847.908.739	847.908.739	8.564.375.747	(8.313.579.060)	597.112.052	597.112.052
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam Đồng (iii)	-	-	1.504.714.486	(1.822.803.740)	318.089.254	318.089.254
<b>Tổng</b>	<b>47.195.508.445</b>	<b>47.195.508.445</b>	<b>180.817.424.894</b>	<b>(176.543.841.466)</b>	<b>42.921.925.017</b>	<b>42.921.925.017</b>

- Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐCTD/23071 ngày 05/7/2023, giới hạn cấp tín dụng là 70 tỷ đồng (hạn mức thẻ tín dụng là 15 tỷ đồng), thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (từ 05/07/2023 đến 04/07/2024). Khoản vay được giải ngân theo từng kế ước có thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất từ 4,6% - 5,3%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản của bên thứ ba.
- (i) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 15.000.000.000 đồng với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 15%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Nam đồng, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho các nhà thầu nước ngoài. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 25,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.000.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/09/2024 là 1.000.000.000 VND.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	213.805.210.000	34.940.000	-	74.097.886.311	287.938.036.311
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	18.548.171.015	18.548.171.015
Giảm khác	-	-	21.301.576	-	21.301.576
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(21.301.576)	-	(21.301.576)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>-</b>	<b>92.646.057.326</b>	<b>306.486.207.326</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(1.119.314.929)	(1.119.314.929)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	188.504.453	-	188.504.453
Giảm khác	-	-	(188.504.453)	-	(188.504.453)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>34.940.000</b>	<b>-</b>	<b>91.526.742.397</b>	<b>305.366.892.397</b>

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 03 năm 2022), vốn điều lệ của Công ty là 213.805.210.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/09/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	59.828.350.000	59.828.350.000
FSN Asia Private Ltd	82.859.430.000	82.859.430.000
Các cổ đông khác	71.117.430.000	71.117.430.000
<b>Tổng</b>	<b>213.805.210.000</b>	<b>213.805.210.000</b>

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024 VND	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	213.805.210.000	213.805.210.000

**Cổ phiếu**

	30/09/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.380.521	21.380.521
Cổ phiếu phổ thông	21.380.521	21.380.521

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	30/09/2024	01/01/2024
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2.837.738.944	3.067.208.816
Trên 01 năm đến 05 năm	3.968.3740.693	3.592.453.924
<b>Tổng</b>	<b>6.806.109.637</b>	<b>6.659.662.740</b>

Ngoại tệ các loại

	30/09/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	781,85	50.517,00

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam và nước ngoài. Trong kỳ hoạt động 03 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty không có bất kỳ doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không có báo cáo tài chính bộ phận giữa niên độ theo khu vực địa lý cần phải được trình bày.

19. DOANH THU

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thức ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thức ngày 30/06/2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.663.040.367	76.088.081.608
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	10.050.000.000	-
Doanh thu cho thuê	112.500.000	
<b>Tổng</b>	<b>82.825.540.367</b>	<b>76.088.081.608</b>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.353.548	10.334.765
Chi phí nhân công	5.662.242.711	8.771.615.023
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.303.915	366.140.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.146.405.056	64.774.120.226
Chi phí khác bằng tiền	208.820.057	90.780.609
<b>Tổng</b>	<b>79.380.125.287</b>	<b>74.012.990.900</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.196.417.479	66.872.480.210
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	9.995.748.705	-
<b>Tổng</b>	<b>81.192.166.184</b>	<b>66.872.480.210</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	1.561.976.979	4.168.743.715
Cổ tức	47.575.352	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	208.060.906	102.644.716
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.817.613.237</b>	<b>4.271.388.431</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Chi phí lãi vay	415.299.463	642.150.344
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	645.381
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(100.515.307)
<b>Tổng</b>	<b>415.299.463</b>	<b>542.280.418</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2023
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.526.736.783	1.517.099.703
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.353.548	43.355.268
Chi phí khấu hao TSCĐ	345.303.915	332.806.943
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.625.343.911	2.200.334.598
Chi phí khác bằng tiền	199.540.769	60.841.882
<b>Tổng</b>	<b>3.714.278.926</b>	<b>4.154.438.394</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	4.135.505.928	5.125.629.204
Chi phí vật liệu bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.643.666	125.825.730
Chi phí khác bằng tiền	9.279.288	26.725.096
<b>Tổng</b>	<b>4.469.428.882</b>	<b>5.278.180.030</b>

**25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2023
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.328.133</b>	<b>253.223.231</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-
- Xử lý số dư công nợ	-	-
- Các khoản khác	2.328.133	253.223.231
<b>Chi phí khác</b>	<b>555.928.495</b>	<b>151.396.984</b>
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	164.340.918	130.555.251
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	353.020.127	2.386
- Phạt vi phạm hợp đồng	22.066.000	-
- Các khoản khác	16.501.450	20.839.347
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)</b>	<b>(553.600.362)</b>	<b>101.826.247</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ báo cáo được tính như sau:

	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024	Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**27. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động:**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 250 m2 văn phòng tại Khu thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ (Tòa nhà Orchard Garden) tại số 128 đường Hồng Hà, phường 09, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê quy định cụ thể cho từng giai đoạn trong hợp đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01/12/2023.
- Tiền thuê 407,5 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 28/07/2023. Hợp đồng này được thay thế bằng hợp đồng thuê văn phòng số 0107/2024/HĐTVP-AK-CLEVER ngày 01/07/2024. Diện tích thuê 627,95 m2 với giá thuê 235.000 đồng/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/06/2029.
- Tiền thuê 108 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018. Thời hạn thuê được gia hạn thêm 03 năm tính từ ngày 01/08/2023. Hợp đồng này được thay thế bằng hợp đồng thuê văn phòng số 0107/2024/HĐTVP-AK-CLEVER ngày 01/07/2024.
- Tiền thuê 80,24 m2 văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2022. Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 09/07/2024.
- Tiền thuê 75 m2 văn phòng tầng 3 tại tòa nhà VIET Building, số 199 Đống Đa, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng với giá thuê 12.500.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm từ ngày 01/08/2024 đến 01/08/2027.



**Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2047, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/09/2024, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ báo cáo:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTECH (**)	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX (**)	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con
Công ty CLEVERADS PHILLIPINE	Công ty con
Công ty CP Đại ốc thông minh	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

(\*\*): Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTECH và Công ty CP Trực tuyến Clever X đã có thông báo giải thể từ ngày 17/05/2024 gửi Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

**Trong kỳ báo cáo, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

**Giao dịch với bên liên quan**

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024</u>	<u>Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2023</u>
<b>Bán hàng</b>				
Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.104.164.682	2.435.053.234
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.230.774.487	1.165.338.238
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.846.842	3.081.305
Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	204.050.350	-
CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	344.171.389	1.508.309.000
Công ty cổ phần AGLOBAL	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	775.004.558	794.719.159
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên QL chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	771.345.476	641.563.833
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	28.826.260	301.932.892
<b>Tổng</b>			<b>4.460.184.044</b>	<b>6.849.997.661</b>

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2024</u>	<u>Kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 30/09/2023</u>
<b>Mua hàng</b>				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.090.537.630	249.283.334
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Mua dịch vụ	15.855.440	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	TT tiền mua biệt thự	-	1.813.879.040

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/09/2024 VND</u>	<u>01/01/2024 VND</u>
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	554.400.705	34.401.599
Công ty CP Cmetric	Công ty con	-	468.903.154
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	352.306.141	731.090.932
CleverAds Philippines Corporation	Công ty con	2.840.814.626	2.840.814.626
Công ty PT CleverAds	Công ty con	6.593.514.281	6.560.523.711
Công ty CP AGLOBAL	Công ty con	322.043.040	74.268.000
Công ty CP công nghệ Lazi	Công ty liên kết	-	450.061.000
Công ty CP Orion Media	Công ty con	669.365	2.722.800
<b>Khách hàng trả tiền trước</b>			
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	-	63.350.865
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Thương mại và dịch vụ CPN Vietair	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	5.255.885	-

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

**30. THÔNG TIN KHÁC**



Nguyễn Thị Nga  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



**NGUYỄN KHÁNH TRÌNH**  
**Chủ tịch HĐQT**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

